

Số: 34/2017-CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỘNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Tên CTQLQ: **CTY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM**

Tên Quỹ ETF niêm yết: **Quỹ ETF VFMVN30**

Mã chứng khoán: **E1VFN30**

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1701-04, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế,
Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 08-3825 1488

Fax: 08-3825 1477

Người thực hiện CBTT: **TRẦN THANH TÂN**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Loại thông tin công bố: 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công bố thông tin về: Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm 2016.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ ETF/công ty quản lý quỹ vào ngày 20/03/2017 tại đường dẫn <http://vinafund.com> của quỹ ETF/công ty quản lý quỹ.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tp.HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Người công bố thông tin

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Phụ lục số 16

Mẫu Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục)

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ

Năm 2016

1. Thông tin về quỹ

a) Tên của quỹ, loại hình quỹ : **QUỸ ETF VFMVN30**

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ :

Mục tiêu chính của Quỹ ETF VFMVN30 là là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số tổng thu nhập VN30 (VN30-TRI) sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30-TRI là chỉ số do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có) : được tính từ ngày được UBCKNN cấp giấy thành lập quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động

d) Danh mục tham chiếu (nếu có) : Danh mục chỉ số tổng thu nhập VN30

Mã cổ phiếu và tỷ trọng trong VN30 tại ngày 30/12/2016 như sau :

Mã cổ phiếu	Tỷ trọng(%)	Mã cổ phiếu	Tỷ trọng(%)	Mã cổ phiếu	Tỷ trọng(%)
BID	1.08	HCM	0.62	NT2	1.04
BVH	1.76	HNG	0.53	PPC	0.59
CII	2.12	HPG	8.90	PVD	1.76
CTG	2.49	HSG	2.45	REE	2.04
DPM	1.56	ITA	0.67	SBT	1.38
FLC	1.11	KBC	2.17	SSI	2.93
FPT	7.20	KDC	2.00	STB	5.06
GAS	2.58	MBB	5.25	VCB	5.68
GMD	1.83	MSN	9.69	VIC	10.24
HAG	1.03	MWG	5.09	VNM	9.14

e) Chính sách phân chia lợi nhuận :

Được quy định theo điều lệ quỹ. Theo đó, Cổ tức Quỹ có thể được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên báo cáo đã được kiểm toán, do đề xuất của Công ty quản lý quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho nhà đầu tư được thanh toán bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành:

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 01/01/2016	37,700,000	ccq
Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong kỳ	19,100,000	ccq
Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ mua lại trong kỳ	14,600,000	ccq
Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2015	42,200,000	ccq

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo (nếu có): được đề cập trong Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên 2015 của Quỹ ETF VFMVN30 ngày 05/04/2016.

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo: Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên 2015 của Quỹ ETF VFMVN30 ngày 05/04/2016 (đính kèm theo Văn bản này) thông qua nội dung kết quả hoạt động của Quỹ năm 2015, ngân sách, kế hoạch hoạt động, những thay đổi về điều lệ quỹ phù hợp với pháp luật...



ETF_AGM 2015_Nghi
quyet dai hoi-05April2

i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 24 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ ETF : CTQLQ đáp ứng đúng các quy định tại điều 24 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý Quỹ ETF.

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

-Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất: Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ vào ngày 18/09/2014 theo giấy chứng nhận số 14/GCN-UBCK.

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...)
(không nêu chi tiết cả danh mục theo mã chứng khoán);

Danh mục đầu tư được phân bổ theo tài sản như sau :

Loại tài sản	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016
Cổ phiếu	99.7%	99.8%	99.4%
Tiền và tương đương tiền	0.3%	0.2%	0.6%
Tổng	100.0%	100.0%	100%

Danh mục đầu tư được phân bổ theo ngành như sau :

Ngành	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016
Thực Phẩm, Nước Giải Khát & Thuốc Lá	24.1%	25.6%	22.7%
Ngân Hàng	22.3%	24.8%	19.5%
Bất Động Sản	12.5%	14.5%	13.5%
Vật Liệu	10.9%	9.2%	12.9%
Dịch Vụ Tài Chính	7.8%	6.2%	3.9%
Thiết Bị và Phần Cứng Công Nghệ	6.4%	6.8%	7.2%
Năng Lượng	4.9%	2.7%	1.7%
Hàng Hóa Công Nghiệp	4.2%	2.9%	3.3%
Vận Tải	2.0%	2.8%	3.9%
Ô-tô & Phụ Tùng Ô-tô	1.8%	0.4%	0%
Tiện ích Công Cộng	1.8%	1.5%	4.2%
Bảo Hiểm	1.1%	1.7%	1.7%
Bán Lê	0.0%	0.8%	5.1%
Tiền và tương đương tiền	0.3%	0.2%	0.5%
Tổng	100.0%	100.0%	100%

Về Giá trị tài sản ròng của quỹ :

Giá trị tài sản ròng	Tại 31/12/2015	Tại 31/12/2016
<i>của quỹ ETF</i>	358 784 823 112	429,447,860,593
<i>của một lô chứng chỉ quỹ ETF</i>	951,683,881	1,017,648,959
<i>của một chứng chỉ quỹ</i>	9,516.83	10,176.48

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ báo cáo : 10,835.19 đồng
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ báo cáo : 8,601.50 đồng
- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập) như sau :

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn)	17,220,073,491
2	Lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...)	9,726,679,172
3	Lợi nhuận thu được từ bán cổ phiếu, trái phiếu	(124,124,781)
4	Tổng chi phí	(3,963,219,841)
	Tổng cộng	22,859,408,041

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ : không có
- Thời điểm phân chia lợi nhuận : không có
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận : không có
- Tỷ lệ chi phí hoạt động trên GTTSR trung bình trong kỳ (%) : 0.97%
- Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ/NAV trung bình trong kỳ : 69.14 %

a) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

- (i) trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm) : 22,859,408,041 đồng
- (ii) trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm) : 4,964,219,096.67 đồng
- (iii) trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm) : 4,964,219,096.67 đồng

b) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác : nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ.
- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập : Bảng báo giá chứng khoán được cung cấp bởi 3 Cty Chứng khoán độc lập của Quỹ và được Ban Đại diện phê duyệt hàng năm

c) Báo cáo phải nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

- Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có) : không có
- Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ) :

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất kết quả hoạt động và sự biến động của chỉ số tổng thu nhập VN30. Trong cả năm 2016, Quỹ đã đạt được mục tiêu đề ra khi mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu chỉ ở mức thấp khoảng 0.21%.

- So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị) :



- So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bảng đồ thị) : không có

- Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ :

Quỹ ETF VFMVN30 sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi thì Quỹ ETF VFMVN30 sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo :

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31/12/2016 không thay đổi nhiều so với cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề khi tỷ trọng đầu tư cổ phiếu chiếm trên 95%, do Quỹ là loại hình quỹ hoán đổi danh mục mô phỏng theo chỉ số. Sự khác biệt chủ yếu giữa hai kỳ do sự thay đổi cơ cấu tỷ trọng một số ngành trong danh mục đầu tư.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này so với tại kỳ báo cáo gần nhất :

Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2016 của Quỹ ETF VFMVN30 là 10,176.5 đồng tăng 6.9% so với giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2015 của Quỹ ETF VFMVN30 là 9,516.8 đồng.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small- cap) :

Năm 2016 thị trường chứng khoán Việt Nam có sự tăng trưởng tốt về điểm số khi chỉ số VN-Index tăng khoảng 14.8% so với cuối năm 2015. Tuy nhiên sự tăng trưởng có sự đóng góp lớn của các mã cổ phiếu mới lên sàn với giao dịch rất thấp và liên tục tăng trần ở giai đoạn đầu năm yết như ROS, SAB. Do đó thực ra thị trường chung tăng trưởng chỉ bằng nửa số 14.8%. Thể hiện qua giá trị chỉ số VN30 đại diện cho các cổ phiếu có vốn hóa lớn và thanh khoản hàng đầu Việt Nam có mức tăng chỉ 5.5%, chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa vừa (VNMid-cap) có mức tăng 8.2% và chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa nhỏ (VNSmall-cap) có mức tăng 8.9%.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách) : không có

j) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có

k) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có);

- Số lượng chứng chỉ Quỹ bán ra cho những người có liên quan ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016 :
19,100,000 CCQ

- Số lượng chứng chỉ Quỹ mua lại từ những người có liên quan từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016 : 14,600,000 CCQ

(Dữ liệu giao dịch sơ cấp)

l) Các thông tin khác (nếu có).

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát :

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý quỹ ETF đối với các nội dung sau:

- a) Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có) : từ 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát
- b) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch : Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ ETF VFMVN30, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan
- c) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch : Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ tuân thủ theo quy định của pháp luật và điều lệ Quỹ
- d) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch

Từ ngày 01/01/2016 ngày 31/12/2016, Quỹ đã thực hiện:

- Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: phát hành thêm 19,100,000.00 chứng chỉ Quỹ với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 191,000,000,000 đồng;
 - Mua lại chứng chỉ Quỹ: mua lại 14,600,000.00 chứng chỉ Quỹ với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 146,000,000,000 đồng.
- e) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ: từ ngày 01/01/2016 ngày 31/12/2016, Quỹ không thực hiện phân chia lợi nhuận

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyên nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng...với các nội dung sau:

- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ
Tỷ lệ chi phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng so với lợi nhuận	0.29%
Tỷ lệ chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ so với lợi nhuận	0.77%

- b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ : Chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể , hạn chế tối thiểu mức độ rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	66,000,000
2	Chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ	175,125,712
	Tổng cộng	241,125,712

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư : Tốt *phần này*

Tổng Giám đốc Công ty quản lý quỹ *kh m*



TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2016

NGHỊ QUYẾT
NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2015
QUỸ ETF VFMVN30 (E1VFN30)

- Căn cứ Luật chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Thông tư số 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05/12/2012 hướng dẫn về việc thành lập, tổ chức & hoạt động của công ty Quản lý Quỹ;
- Căn cứ Thông tư số 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở;
- Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/03/2016.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 được thông qua ngày 19/03/2015;
- Căn cứ vào Biên bản Đại hội nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2015 của Quỹ ETF VFMVN30 ngày 05/04/2016.

QUYẾT NGHỊ

Đại hội đã nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung sau:

Điều 1: Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2015

- Kết thúc ngày 31/12/2015, giá trị tài sản ròng/chứng chỉ quỹ của Quỹ ETF VFMVN30 đạt 9,516.8 đồng, tăng 2,2% so với giá trị đầu năm so với chỉ số tổng thu nhập VN30 có mức tăng trưởng giá cùng kỳ 2,5%.
- Mức chênh lệch về tăng trưởng giá của Quỹ và chỉ số tổng thu nhập VN30 đạt 0,3%. Mức sai lệch (Tracking Error) giữa Quỹ và chỉ số VN30 ở mức 1,39%.
- Vào tháng Một và tháng Bảy, Quỹ ETF VFMVN30 đã thực hiện việc cơ cấu danh mục đầu tư. Trung bình mỗi lần cơ cấu danh mục tổng giá trị mua và giá trị bán chiếm khoảng 20% tổng giá trị danh mục.
- Trong năm 2015, tổng số vốn huy động ròng của Quỹ ETF VFMVN30 đạt gần 180 tỷ đồng nâng số vốn của Quỹ lên gần 380 tỷ đồng.

Tăng trưởng giá trị vốn hóa của Quỹ trong năm 2015 gần 90% so với năm 2014. Sự tăng trưởng về vốn hóa trong năm 2015 phần lớn đến từ sự tham gia đầu tư mới của các nhà đầu tư nước ngoài vào Quỹ.

Điều 2: Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán của Quỹ

Đại hội thông qua Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán của Quỹ.

Điều 3: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2015

Đại hội thông qua việc Quỹ ETF VFMVN30 không phân phối lợi nhuận năm 2015, do Quỹ vẫn chưa đủ điều kiện để phân phối lợi nhuận theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2016

Để thực hiện mục tiêu của Quỹ ETF VFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của chỉ số tham chiếu, Quỹ ETF VFMVN30 sẽ tiếp tục tập trung những điểm chính như sau:

- Theo dõi và cập nhật diễn biến về giá trị giao dịch, sự kiện doanh nghiệp các cổ phiếu cấu thành nên chỉ số tham chiếu để có những điều chỉnh tỷ trọng danh mục đầu tư bám sát tỷ trọng danh mục chỉ số.
- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức sai lệch giữa Quỹ và chỉ số tham chiếu (nếu có) để có giải pháp quản lý danh mục mô phỏng đạt hiệu quả.

Nghiên cứu các chiến lược quản lý danh mục hiệu quả khi chỉ số tham chiếu thay đổi định kỳ.

Khi thị trường xuất hiện các phương tiện đầu tư mới (chứng khoán phái sinh, các sản phẩm trái phiếu mới), quỹ VFMVFB sẽ thực hiện nghiên cứu để tìm cơ hội đầu tư.

Điều 5: Lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2016

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán như đã đề xuất để thực hiện kiểm toán cho Quỹ năm 2016.

Điều 6: Tổng ngân sách hoạt động trong năm 2016 của Ban đại diện quỹ

Ngân sách hoạt động của Ban đại diện Quỹ dự kiến trong năm 2016 cụ thể như sau:

STT	Loại chi phí	Ngân sách 2016	Thực tế 2015	% tăng/ giảm
I	Thù lao	58,500,000	58,500,000	0%
II	Chi phí đi lại		-	
1	Chi phí vé máy bay		-	
2	Chi phí khách sạn		-	
3	Chi phí đưa rước		-	
III	Chi phí khác (Phòng họp...)		-	
	Tổng cộng	58,500,000	58,500,000	0%

(% tăng/ giảm: là tỷ lệ % ngân sách mới 2016 được lập tăng/giảm so với thực tế 2015)

Ghi chú:

- Ngân sách 2016 dự kiến so với thực tế 2015 và được lập trên cơ sở sau:
 - Tất cả các số lần họp Ban Đại Diện được tổ chức qua conference call.
- Ngân sách chi phí hoạt động của Ban Đại Diện 2016 trên sẽ dùng cho 3 thành viên và 1 thư ký, với chi tiết thù lao của các thành viên BDD vẫn giữ nguyên như sau:
 - Chủ tịch BDD: Thù lao 2 triệu đồng/tháng
 - Thành viên BDD: Thù lao 1 triệu đồng/tháng
 - Thư ký BDD: Thù lao 500 nghìn đồng/tháng
- Trong trường hợp số thành viên Ban Đại Diện tăng/giảm thì ngân sách này sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng dựa trên mức chi phí cấu thành ngân sách nêu trên.

Điều 7: Điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30

1. Điều chỉnh, bổ sung Phần 1 – CĂN CỨ PHÁP LÝ: cập nhật văn bản pháp luật mới

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ:

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

...

- *Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;*

...

- *Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/03/2016.*

...

- *Thông tư số 52/2012/TT-BTC 155/2015/TT-BTC ngày 5 tháng 4 năm 2012 6 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;*

2. Điều chỉnh, bổ sung Phần 2 – CÁC ĐỊNH NGHĨA: điều chỉnh định nghĩa “Ngân hàng giám sát và lưu ký”, “Chỉ số tham chiếu VN30”, “Chỉ số tổng thu nhập VN30 (VN30-TRI)”, “Chứng khoán cơ cấu”, “Danh mục chứng khoán cơ cấu” cho phù hợp.

2. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những từ và cụm từ dưới đây sẽ mang nghĩa như sau:

"Ngân hàng giám sát và lưu ký"	(Sau đây gọi tắt là Ngân hàng giám sát) là Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam), là Ngân Hàng 100% vốn nước ngoài, thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Luật các tổ chức tín dụng cấp ngày 08/9/2008 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 37/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 16/12/2008. 08/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 07/5/2015, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền
--------------------------------	--

	và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ này.
“Chỉ số tham chiếu VN30”	Là chỉ số theo quy mô vốn hóa, gồm 30 công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM có giá trị vốn hóa và thanh khoản lớn hàng đầu, đáp ứng tư cách tham gia vào bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo quy định. Chỉ số này do HOSE xây dựng phù hợp quy định của pháp luật hiện hành. Thông tin chi tiết của chỉ số này tham khảo tại trang thông tin điện tử của HOSE.
“Chỉ số tham chiếu tổng thu nhập VN30 ” (VN30-TRI)	Là chỉ số theo quy mô vốn hóa, gồm 30 công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM có giá trị vốn hóa và thanh khoản lớn hàng đầu, đáp ứng tư cách tham gia vào bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo quy định. Chỉ số này do HOSE xây dựng phù hợp quy định của pháp luật hiện hành. Chỉ số này thể hiện biến động giá và giá trị cổ tức của các cổ phiếu thành phần được tính toán để tái đầu tư vào chỉ số VN30 và được ký hiệu VN30-TRI (VN30 – Total Return Index). Danh mục chỉ số tổng thu nhập VN30 chính là danh mục chỉ số giá VN30 và chỉ khác chỉ số giá VN30 ở việc tính giá trị cổ tức của các cổ phiếu thành phần trong chỉ số. Thông tin chi tiết của chỉ số này tham khảo tại trang thông tin điện tử của HOSE.
“Chứng khoán cơ cấu”	Là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của Chỉ số tham chiếu VN30-TRI .
“Danh mục chứng khoán cơ cấu”	Là danh mục bao gồm các chứng khoán cơ cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu và được Công ty quản lý quỹ VFM chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30. Danh mục chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: a) Bao gồm tối thiểu 85% số chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số tham chiếu VN30-TRI . (danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu). b) Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu VN30-TRI . c) Khi HOSE thực hiện thay đổi định kỳ hoặc bất thường danh mục chỉ số VN30-TRI thì số chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi có thể thấp hơn 85% số chứng khoán của chỉ số tham chiếu VN30-TRI . (nhưng vẫn đảm bảo tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số tham chiếu) và/hoặc giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu có thể thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu VN30-TRI .

3. Điều chỉnh, bổ sung Điều 7- Ngân hàng giám sát: cập nhật giấy phép của Ngân hàng giám sát **Điều 7. Ngân hàng giám sát**

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) là là một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, theo Giấy phép thành lập Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 236/GP-NHNN do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 (như được sửa đổi vào từng thời điểm) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số ~~3708/UBCK-GCN~~ do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ~~16/12/2008~~ **07/05/2015**, cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký....

4. Điều chỉnh, bổ sung Điều 8- Mục tiêu đầu tư: điều chỉnh cho phù hợp

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ ETF VFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số **tổng thu nhập** tham chiếu **VN30-TRI** sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số **VN30-TRI** là chỉ số **tổng thu nhập** giá (price **total return** index) do Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

5. Điều chỉnh, bổ sung Điều 9- Chiến lược đầu tư: điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới **Điều 9. Chiến lược đầu tư**

1. Chiến lược đầu tư:

Quỹ ETF VFMVN30 sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số **VN30-TRI** có sự thay đổi thì Quỹ ETF VFMVN30 sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số **VN30-TRI** về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

Giá trị danh mục đầu tư của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu **VN30-TRI**. Danh mục chứng khoán của chỉ số **VN30-TRI** bao gồm 30 cổ phiếu đang được niêm yết trên HOSE. Danh sách 30 cổ phiếu đã được sàng lọc qua các điều kiện tham gia vào chỉ số, đáp ứng các tiêu chí tỷ lệ tự do chuyển nhượng (free-float), vốn hoá thị trường và giá trị giao dịch. Khi HOSE thay đổi định kỳ (rebalancing) hoặc thay đổi bất thường danh mục chỉ số **VN30-TRI**, tỷ lệ tài sản đầu tư của Quỹ vào danh mục chứng khoán có thể biến động dưới 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu **VN30-TRI**.

2. Lĩnh vực, ngành nghề dự định đầu tư:

Căn cứ vào chiến lược đầu tư, Quỹ ETF VFMVN30 có thể thực hiện đầu tư vào tất cả các ngành nghề của thị trường chứng khoán Việt Nam mà pháp luật không cấm. Cơ cấu đầu tư theo ngành nghề của Quỹ ETF VFMVN30 có thể thay đổi tùy vào sự thay đổi của danh mục của chỉ số tham chiếu **VN30-TRI** và chiến lược đầu tư của Quỹ.

3. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF VFMVN30:

- Cổ phiếu niêm yết và giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam;
- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng. Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ **bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng** tại các ngân hàng thương mại **tổ chức tín dụng** đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt;
- Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam. Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;
- Quyền và tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ**. Các tài sản khác phát sinh từ việc sở hữu các chứng khoán trong danh mục của Quỹ ETF VFMVN30.

6. Điều chỉnh, bổ sung Điều 11- Phương pháp lựa chọn đầu tư: điều chỉnh cho phù hợp

Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Để mô phỏng chỉ số tham chiếu **VN30-TRI**, về nguyên tắc Quỹ phải nắm giữ tất cả các cổ phiếu có trong danh mục chỉ số tham chiếu **VN30-TRI** theo tỷ lệ tương ứng. Tuy nhiên, trong một số trường hợp Quỹ không thể mua đủ tất cả những cổ phiếu tương ứng với tỷ trọng trong chỉ số tham chiếu. Trong những trường hợp này, Quỹ có thể chọn phương pháp nâng tỷ trọng hoặc giảm tỷ trọng của một số cổ phiếu trong chỉ số hoặc mua những cổ phiếu không thuộc chỉ số mà có độ tương quan cao với chỉ số tham chiếu **VN30-TRI** để thay thế cho những cổ phiếu trong chỉ số nhằm mô phỏng gần nhất chỉ số tham chiếu **VN30-TRI**, sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Quỹ ETF VFMVN30 có thể thực hiện bán trước những cổ phiếu trong danh mục khi dự báo khả năng cổ phiếu đó sẽ ra khỏi danh mục của chỉ số tham chiếu **VN30-TRI** hoặc mua trước những cổ phiếu hiện tại chưa thuộc chỉ số tham chiếu **VN30-TRI** khi dự báo khả năng cổ phiếu đó sẽ được đưa vào danh mục chỉ số tham chiếu **VN30-TRI** tại kỳ xem xét tiếp theo.

7. Điều chỉnh, bổ sung Điều d Khoản 1, Điều c-d Khoản 2, Điều c Khoản 3, Điều a Khoản 4, Điều b-c Khoản 5 và Khoản 9- Điều 16- Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại (giao dịch sơ cấp): điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới.

Điều 16. Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại (giao dịch sơ cấp)

1. Việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 áp dụng cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện theo nguyên tắc sau:

...
Nhà đầu tư được thanh toán bằng tiền và/hoặc bằng các tài sản khác cho Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối. Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối có trách nhiệm mua đủ danh mục chứng khoán cơ cấu cho Nhà đầu tư trước khi đặt lệnh giao dịch hoán đổi lấy chứng chỉ quỹ ETF cho Nhà đầu tư. Cách thức thực hiện dựa trên quy định của Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Ngày giao dịch hoán đổi đầu tiên sẽ được thực hiện sau khi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực và được Công ty quản lý quỹ thông báo đến nhà đầu tư. Tần suất giao dịch hoán đổi được tổ chức **của Quỹ ETF VFMVN30 là định kỳ hàng tuần, vào ngày Thứ Ba hàng ngày**. Thời gian giao dịch cụ thể trong phiên giao dịch tại ngày giao dịch hoán đổi được thực hiện theo Thông báo của Công ty quản lý quỹ VFM.

Việc tăng tần suất giao dịch sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo công khai, cập nhật chỉnh sửa, bổ sung phần thay đổi này vào Bản cáo bạch, công bố thông tin theo quy định pháp luật và trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối. Công ty quản lý quỹ sẽ cập nhật phần thay đổi này vào Điều lệ Quỹ tại kỳ họp Đại hội thường niên gần nhất.

Việc giảm tần suất giao dịch...

2. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi:

...

- c. Trong vòng hai **một** (0201) ngày làm việc, kể từ ngày giao dịch hoán đổi, VSD sẽ hoàn tất việc chuyển danh mục chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF VFMVN30, đồng thời đăng ký, lưu ký chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 vào tài khoản của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư hoặc ngược lại. Việc tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại khoản 3 Điều này và được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và VSD xác nhận quyền sở hữu cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư.
- d. Trong vòng tối đa hai **một** (0201) ngày, kể từ ngày giao dịch hoán đổi, nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ phải thông báo cho VSD và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của VSD. Quá thời hạn nêu trên, Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ chịu trách nhiệm trước nhà đầu tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện.
- ...
3. Danh mục chứng khoán cơ cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ ETF VFMVN30 và Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trừ trường hợp:
- ...
- c. Trường hợp trong danh mục chứng khoán cơ cấu có những mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ, **nhà đầu tư** bị hạn chế đầu tư hoặc Thành viên lập quỹ, **nhà đầu tư** chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, **khi đó** Thành viên lập quỹ, **nhà đầu tư** được thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại, được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.
4. Trường hợp Quỹ ETF VFMVN30 tiếp nhận các lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư dẫn tới tỷ lệ sở hữu đối với chứng khoán cơ cấu vượt quá hạn mức tối đa theo quy định của pháp luật (tính tại thời điểm ~~9 giờ 30~~ **16 giờ** ngày làm việc thứ ~~hai~~ **nhất** kể từ ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+21)), hoặc dẫn tới Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó sở hữu trên 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó, thì VSD sẽ có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ VFM và yêu cầu Công ty quản lý quỹ VFM, Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện:
- a. Trường hợp là ~~nhà đầu tư~~ **pháp nhân, cá nhân** nước ngoài, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ phải bán số chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho **Thành viên lập quỹ**, nhà đầu tư bằng hình thức chuyển khoản.
- ...
5. Công ty quản lý có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 từ **Thành viên lập quỹ**, nhà đầu tư **do** một trong các trường hợp sau:
- a. ...
- b. Tổ chức phát hành chứng khoán **có** trong danh mục đầu tư ~~chiếm từ 1% NAV~~ của Quỹ ETF VFMVN30 bị phá sản, giải thể, bị tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF VFMVN30 không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
- c. **Quỹ** cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;
- ...
9. Phí phát hành, phí mua lại:
- a. Phí phát hành: là phí mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ. Phí này được thu khi thực hiện giao dịch và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch.
- Phí phát hành áp dụng đối với Thành viên lập quỹ **được quy định tại Hợp đồng Thành viên lập quỹ và là 0% không vượt quá 0,5% trên** giá trị giao dịch.
 - **Phí phát hành áp dụng đối với Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại Hợp đồng Tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.**
 - Phí phát hành áp dụng đối với nhà đầu tư **không vượt quá 1% là 0% trên** giá trị giao dịch. **Các mức phí cụ thể được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác.**
- b. Phí mua lại: là phí mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Phí này được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ.
- **Phí mua lại áp dụng đối với Thành viên lập quỹ được quy định tại Hợp đồng Thành viên lập quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.**

- *Phí mua lại áp dụng đối với áp dụng đối với Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại Hợp đồng Tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.*

- *Phí mua lại áp dụng đối với nhà đầu tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.*

Các mức phí cụ thể được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác
Phí này sẽ được trừ vào số tiền chênh lệch (trường hợp giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 lớn hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy chứng khoán cơ cấu). Nếu số tiền chênh lệch nhỏ hơn phí mua lại thì Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải đảm bảo phần chênh lệch tiền còn thiếu này được thanh toán vào tài khoản của Quỹ ETF tại ngân hàng giám sát, được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

— *Đối với nhà đầu tư là 0,15% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.*

— *Đối với Thành viên lập quỹ là 0,1% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.*

Đối với Thành viên lập quỹ làm thành viên tạo lập thị trường là 0% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.

- e. Việc điều chỉnh mức phí phát hành và phí mua lại áp dụng đối với Thành viên lập quỹ và Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được thực hiện theo thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và thành viên lập quỹ, Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường. Thông báo của Công ty quản lý quỹ và luôn đảm bảo không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch. Mức phí mới này sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch và Điều lệ Quỹ tại kỳ Đại hội thường niên gần nhất.
- d. Việc tăng mức phí phát hành và phí mua lại áp dụng đối với nhà đầu tư chỉ được thực hiện khi mức phí sau khi tăng không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức phí mới sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày Bản cáo bạch, Điều lệ này đã được sửa đổi, bổ sung quy định về mức phí mới, thời điểm áp dụng và các tài liệu này đã được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành công ty quản lý quỹ công bố về các mức phí mới trên trang thông tin điện tử của công ty.
- e. Trường hợp giảm mức phí phát hành và phí mua lại áp dụng đối với nhà đầu tư so với quy định tại Điều này, thời điểm áp dụng mức phí mới sớm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày Bản cáo bạch công bố về mức phí mới, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm cập nhật mức phí mới này vào Điều lệ Quỹ tại kỳ họp Đại hội thường niên gần nhất.

8. Điều chỉnh, bổ sung Điều 18- Giá phát hành lần đầu và giá giao dịch hoán đổi: điều chỉnh cho phù hợp

Điều 18. Giá phát hành lần đầu và giá giao dịch hoán đổi

1. Giá phát hành lần đầu: là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư để thu lại danh mục chứng khoán cơ cấu. Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm phí phát hành quy định tại khoản 9 Điều 16 của Điều lệ này.
2. Giá giao dịch hoán đổi: là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu từ Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và ngược lại.
 - a. Giá giao dịch hoán đổi *mà Công ty quản lý quỹ tiếp nhận* danh mục chứng khoán cơ cấu *đồng thời phát hành* lấy một lô chứng chỉ quỹ *cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư* (hay còn gọi là giá phát hành) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi.
 - b. Giá giao dịch hoán đổi *mà Công ty quản lý quỹ mua lại* một lô chứng chỉ quỹ *đồng thời lấy hoàn trả* danh mục chứng khoán cơ cấu *cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư* (hay còn gọi là giá mua lại) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi.

9. Điều chỉnh, bổ sung Khoản 2 Điều 20- Đại hội nhà đầu tư: điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới

Điều 20. Đại hội nhà đầu tư

1. ...
2. Đại hội nhà đầu tư hàng năm được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc theo hình thức khác do Ban đại diện quỹ quyết định *lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Hợp Đại hội Nhà đầu tư dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện dưới hình thức gửi thư bằng văn bản hoặc thư điện tử. Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện quỹ thông qua quy chế của hình thức họp lấy ý kiến bằng văn bản, hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có).*

...

10. Điều chỉnh, bổ sung Khoản 4, Khoản 5 Điều 21- Quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư: điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới

Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư

4. Quyết định chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ Quỹ, hợp đồng giám sát *và phương án phân phối lợi nhuận*, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 61 của Điều lệ này;
5. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; ~~phương án phân phối lợi nhuận~~, tăng mức phí trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;

11. Điều chỉnh, bổ sung Khoản 1, Khoản 2 Điều 22- Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư: điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới

Điều 22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư

1. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội nhà đầu tư phải được thông báo công khai (công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ) cho nhà đầu tư *công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán* và báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước tối thiểu ít nhất mười lăm (15) ngày trước khi tiến hành Đại hội.
2. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành. Hình thức tham dự Đại hội có thể là trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền, hoặc tham dự họp trực tuyến thông qua điện thoại, internet hoặc các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác *và biểu quyết tại Đại hội có thể là trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền trong trường hợp sau đây:*
 - *Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;*
 - *Ủy quyền cho một người khác hoặc ủy quyền cho Ban đại diện quỹ tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;*
 - *Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; tham dự họp trực tuyến thông qua điện thoại, internet hoặc các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác.*
 - *Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác.*

...

12. Điều chỉnh, bổ sung Điều 23- Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư: điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới

Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. ...
2. ...
3. *Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, quyết định tại cuộc họp của đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư dự họp tán thành.* Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, quyết định của Đại hội nhà đầu tư tại cuộc họp được thông qua khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:
Được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 51% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết;
Tổng số phiếu của các nhà đầu tư tham dự Đại hội và các nhà đầu tư tham gia biểu quyết thông qua các hình thức khác chấp thuận không ít hơn 30% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết;
4. Đối với các nội dung quy định tại khoản 5, 6 Điều 21 của Điều lệ này *phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp*, quyết định của Đại hội nhà đầu tư tại cuộc họp được thông qua khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: *khi số nhà đầu tư đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư dự họp tán thành.*
 - a. ~~Được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 65% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết;~~
 - b. ~~Tổng số phiếu của các nhà đầu tư tham dự Đại hội và các nhà đầu tư tham gia biểu quyết thông qua các hình thức khác chấp thuận không ít hơn 40% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết;~~Trường hợp cuộc họp Đại hội nhà đầu tư tổ chức theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này và số nhà đầu tư tham dự đại hội đại diện cho dưới năm mươi một phần trăm (51%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi đáp ứng điều kiện tương ứng quy định tại điểm a khoản 3 hoặc điểm a khoản 4 Điều này.
5. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua *khi số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư biểu quyết tán thành* nếu được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành thông qua
6. Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát *Ban Đại Diện Quỹ* có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này. Trong trường

hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư là không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lại lấy ý kiến hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản

7. Trong thời hạn **hai mươi bốn (24) giờ** ~~bảy (07) ngày~~ sau khi kết thúc Đại hội nhà đầu tư ~~thông qua quyết định của Đại hội Nhà đầu tư~~ hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản theo quy định tại khoản 5 Điều này, Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm lập Biên bản họp **hoặc Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản hoặc lấy ý kiến bằng thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác)** và Nghị quyết Đại hội và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng giám sát và ~~cung cấp cho nhà đầu tư hoặc công bố thông tin~~ theo quy định của pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ. **thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.**
8. Những quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ, sẽ không có hiệu lực pháp lý và giá trị thi hành. Những quyết định này mặc nhiên bị hủy. Đồng thời, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban chứng khoán nhà nước và nhà đầu tư về việc Nghị quyết không có hiệu lực thi hành và bị hủy.

13. Điều chỉnh, bổ sung Khoản 7, Điều 24- Ban đại diện quỹ: điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới

Điều 24. Ban đại diện quỹ

...

7. Công ty quản lý quỹ phải **thực hiện báo cáo cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.** thông báo công khai (công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ) việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện cho nhà đầu tư và báo cáo cho Ủy ban chứng khoán nhà nước và Ngân hàng giám sát.

14. Điều chỉnh, bổ sung Khoản 9, 23, 24 Điều 26- Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ: điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ

...

9. Phê duyệt nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; phê duyệt danh sách các **tổ chức tín dụng** ~~ngân hàng~~ nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 của Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch tài sản của quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận, các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch;

...

23. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban đại diện quỹ quyết định các vấn đề quy định tại khoản 22 Điều này, Ban đại diện, thông qua Công ty quản lý quỹ, phải gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước, Ngân hàng giám sát biên bản họp và nghị quyết của Ban đại diện quỹ, đồng thời ~~cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty quản lý quỹ và hệ thống Đại lý phân phối của Quỹ.~~ **thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.**

24. **Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với người nội bộ và người có liên quan với người nội bộ của quỹ đại chúng.**

15. Điều chỉnh, bổ sung tiết ii điểm c khoản 1 Điều 32- Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ: điều chỉnh cho phù hợp..

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ sau:

...

c. Khi quản lý tài sản của quỹ, Công ty quản lý quỹ phải:

i. ...

- ii. Trường hợp đầu tư tiền gửi cho quỹ, Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tại các ngân hàng trong danh sách được Ban đại diện quỹ phê duyệt; lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng tiền gửi, hợp đồng vay tại Ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ **hàng tháng** đối soát **số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi** với ngân hàng nhận tiền gửi;

...

16. Điều chỉnh, bổ sung Khoản 2 Điều 47- Hoạt động của Đại lý phân phối: điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới.

Điều 47. Hoạt động của Đại lý phân phối

1. ...

2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng nhà đầu tư tới Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyên nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh

giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư. *Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật điều chỉnh. Phiếu lệnh phải được đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ nhà đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.*

...

17. Điều chỉnh, bổ sung Khoản 2 Điều 50- Chế độ kế toán & báo cáo tài chính: điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới

Điều 50. Chế độ kế toán & báo cáo tài chính

1. ...
2. Báo cáo tài chính
 - Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
 - *Báo cáo tài chính bán niên /báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên/Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện quỹ và công bố công khai trên website của Công ty quản lý quỹ để nhà đầu tư có thể tham khảo.*

...

18. Điều chỉnh, bổ sung Khoản 5 Điều 51- Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ: điều chỉnh cho phù hợp

Điều 51. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

...

5. Công ty quản lý quỹ bảo đảm mức sai lệch xác định theo công thức:
Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của tuần hiện tại (t) được xác định theo công thức sau:

$$TE_t = \sqrt{n} \sqrt{\frac{1}{n-1} \sum_{i=-n}^{-1} (R_i - \bar{R})^2}$$

Trong đó: R_i là mức chênh lệch giữa biến động giá trị tài sản ròng của 1 lô chứng chỉ quỹ ETF (NAV/CU) và biến động của chỉ số tham chiếu của tuần thứ i trở về trước, kể từ tuần hiện tại (t), được xác định theo công thức sau:

$$R_t = \ln \left[\frac{NAV/CU_t}{NAV/CU_{t-1}} \right] - \ln \left[\frac{VN30_t}{VN30_{t-1}} \right],$$

$$R_i = \ln \left[\frac{(NAV/CU)_i}{(NAV/CU)_{i-1}} \right] - \ln \left[\frac{(VN30-TRI)_i}{(VN30-TRI)_{i-1}} \right],$$

$$\bar{R} = \frac{1}{n} \sum_{i=-n}^{-1} R_i$$

n = 26

Trường hợp thời gian hoạt động của quỹ chưa tới sáu (06) tháng, n là số tuần, kể từ tuần giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực.

....

19. Điều chỉnh, bổ sung Điều 55- Các loại phí do Quỹ trả: điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 55. Các loại phí do Quỹ trả

1. Phí quản lý quỹ
- ...
2. Phí lưu ký và giám sát
 - Phí giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
 - Phí giám sát là 0,02% NAV/năm (*chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)*).
- ...
3. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ
 - Phí dịch vụ quản trị quỹ là mức phí do Quỹ ETF VFMVN30 trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.

- Phí dịch vụ quản trị quỹ tối đa là 0,035% NAV/năm (*chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)*).

...
Tổng phí Giám sát, Lưu ký, phí dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu hàng tháng là 42 triệu/tháng (*chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)*) trong hai năm đầu tiên và từ năm thứ ba trở đi thì mức phí tối thiểu này là 50 triệu/tháng.

Tổng phí Giám sát, Lưu ký, phí dịch vụ Quản trị quỹ hàng tháng tối đa là 0.5% NAV/ *bình quân gia quyền*/năm (*chưa bao gồm thuế GTGT(nếu có)*)

Luôn luôn áp dụng mức tối thiểu nêu trên.

4. Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối đa là 0,02% NAV *bình quân gia quyền* /năm. Phí này do Quỹ ETF VFMVN30 chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng để thực hiện các dịch vụ đại lý chuyển nhượng được nêu tại Điều lệ của Quỹ ETF VFMVN30. Mức phí chi tiết sẽ được thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và đơn vị cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng, và công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo mức phí áp dụng khi có sự thay đổi với Ban đại diện Quỹ và Ngân hàng giám sát, đồng thời cập nhật trong Bản cáo bạch định kỳ gần nhất của Quỹ. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng áp dụng cho giai đoạn ngay sau khi quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ sẽ được công ty quản lý quỹ thông báo cho Ban đại diện Quỹ, Ngân hàng giám sát và cập nhật trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ trước kỳ định giá đầu tiên.
- Mức phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối thiểu là 5 triệu đồng mỗi tháng (*chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)*).

5. Phí trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu

- Phí quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu tối đa là 0,02% NAV *bình quân gia quyền* /năm và tối thiểu là 50 triệu đồng/năm (*chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)*). Phí này do Quỹ ETF VFMVN30 chi trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu.

6. Phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)

- Phí cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu tối đa là 0,02% NAV *bình quân gia quyền* /năm và tối thiểu là 50 triệu đồng/năm (*chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)*).. Phí này do Quỹ ETF VFMVN30 chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu.

7. Các loại phí và lệ phí khác

20. Điều chỉnh, bổ sung khoản 1 Điều 62- Đăng ký Điều lệ: điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 62. Đăng ký Điều lệ

1.

Điều lệ Quỹ được bổ sung và sửa đổi lần thứ ba bao gồm 16 Chương, 63 Điều và 03 Phụ lục theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư ngày 05/04/2016, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/04/2016.

Các bản trích hay sao y của bản Điều lệ này do Quỹ cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện quỹ hoặc người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền của Công ty quản lý quỹ thì mới có giá trị.

21. Điều chỉnh, bổ sung Phụ lục 2- Cam kết của Ngân hàng Giám sát: cập nhật giấy phép của Ngân hàng giám sát.

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)

Số Giấy phép Thành lập và hoạt động: 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 37/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 16/12/2008. *08/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 07/5/2015.*

22. Điều chỉnh, bổ sung Phụ lục 3- CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT: cập nhật giấy phép của Ngân hàng giám sát.

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)

Số Giấy phép Thành lập và hoạt động: 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 37/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 16/12/2008. *08/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 07/5/2015.*

